

VĂN BẢN PHÁP QUY **về** **QUẢN LÝ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

- ❖ Quy định quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn
- ❖ Quy định đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước



NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

VĂN BẢN PHÁP QUY

về

QUẢN LÝ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

- ♦ Quy chế quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn
- ♦ Quy định đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Lời Nhà xuất bản

Để thực hiện Luật Khoa học và Công nghệ đã được Quốc hội khóa X thông qua ngày 08/6/2000 tại Kỳ họp lần thứ 7, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 201/2004/NĐ-CP ngày 10/12/2004 về Quy chế quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn; sau đó Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ra Quyết định số 01/2005/QĐ-BKHCN ngày 28/2/2005 về Quy định đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước.

Được sự thống nhất của Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên - Bộ Khoa học và Công nghệ, Nhà xuất bản Lý luận chính trị xuất bản cuốn sách ***Văn bản pháp quy về quản lý khoa học xã hội và nhân văn***, nội dung bao gồm hai văn bản pháp quy nêu trên với mục đích cung cấp cho các cơ quan quản lý nhà nước và các ban chủ nhiệm đề tài, chương trình, dự án cấp nhà nước các tài liệu hướng dẫn quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn, bảo đảm các bước tổ chức thực hiện đề tài và nghiệm thu đề tài được tiến hành đúng theo quy định, quy trình của Nhà nước.

Tài liệu này còn sử dụng trong việc triển khai xây dựng quy chế và thực hiện quản lý các đề tài khoa học xã hội và nhân văn ở các cấp quản lý thấp hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Tháng 4 năm 2005.

NHÀ XUẤT BẢN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

Mục lục

- Lời Nhà xuất bản	3
- Nghị định của Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn	7
- Quy chế quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn	9
Chương I: Quy định chung	9
Chương II: Xác định nhiệm vụ khoa học xã hội	12
Chương III: Quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước	16
Chương IV: Quản lý hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước	26
Chương V: Sử dụng kết quả hoạt động khoa học xã hội	30
Chương VI: Tổ chức thực hiện	35
- Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước”	37
- Quyết định đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước	39
Chương I: Những quy định chung	39
Chương II: Tổ chức đánh giá cấp cơ sở	42
Chương III: Tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước	52
Chương IV: Điều khoản thi hành	65
- Phần phụ lục	67

CHÍNH PHỦ

Số: 201/2004/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2004

NGHỊ ĐỊNH
của Chính phủ
Về ban hành Quy chế quản lý hoạt động
khoa học xã hội và nhân văn

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/ 2002/ NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn.

Điều 2. Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Quy chế này.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Bộ trưởng các bộ, thủ trưởng cơ quan ngang bộ và thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, lãnh đạo các tổ chức khoa học và công nghệ các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP,
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP,
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW,
- Văn phòng Quốc hội,
- Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng,
- Viện KSNDTC, Tòa án NDTC,
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- Học viện Hành chính quốc gia,
- Công báo,
- VPCP: BTCN, TBNC, các PCN, BNC, Người phát ngôn của Thủ tướng, các vụ, cục, các đơn vị trực thuộc,
- Lưu: KG (5), Văn thư.

Phan Văn Khải
(đã ký)

QUY CHẾ

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 201/2004/NĐ-CP

ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn (sau đây gọi là khoa học xã hội) sử dụng ngân sách nhà nước hoặc không sử dụng ngân sách nhà nước, được tiến hành ở các cấp, trong phạm vi cả nước.

2. Hoạt động khoa học xã hội được quy định tại Quy chế này bao gồm các nhiệm vụ khoa học xã hội và dịch vụ khoa học xã hội. Nhiệm vụ khoa học xã hội được tổ chức dưới hình thức chương trình, đề

tài, dự án khoa học xã hội. Dịch vụ khoa học xã hội bao gồm hoạt động thông tin, tư vấn, phổ biến, đào tạo, bồi dưỡng và các hoạt động khác phục vụ cho nghiên cứu khoa học xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động khoa học xã hội trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động khoa học xã hội

Ngoài các nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Luật Khoa học và Công nghệ, việc quản lý hoạt động khoa học xã hội còn phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Tôn trọng và bảo đảm quyền dân chủ, phát huy khả năng sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoa học xã hội.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước về định hướng hoạt động khoa học xã hội được thể hiện trong cương lĩnh, đường lối, chủ trương của Đảng,

trong pháp luật, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước.

3. Bảo đảm sự quản lý thống nhất và có hiệu lực của Nhà nước đối với hoạt động khoa học xã hội từ Trung ương đến địa phương nhằm phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các lĩnh vực khoa học xã hội.

Điều 4. Tài chính cho hoạt động khoa học xã hội

Tài chính cho hoạt động khoa học xã hội bao gồm các nguồn:

1. Nguồn ngân sách của Nhà nước (Trung ương và các địa phương) đầu tư trực tiếp cho hoạt động khoa học xã hội được bố trí trong kế hoạch ngân sách hàng năm hoặc trong dự án kinh tế - xã hội của Nhà nước, bộ, ngành và các địa phương.

Hoạt động khoa học xã hội sử dụng nguồn ngân sách này gọi là hoạt động khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các nguồn tài chính khác: kinh phí tự có của các tổ chức, cá nhân; tài trợ trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cho hoạt động khoa học xã hội; kinh phí dành cho hoạt động khoa học xã hội thuộc các dự án kinh tế - xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước.

Hoạt động khoa học xã hội sử dụng các nguồn tài chính này gọi là hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương II

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC XÃ HỘI

Điều 5. Phân cấp nhiệm vụ khoa học xã hội

Các nhiệm vụ khoa học xã hội được phân thành 3 cấp:

1. Cấp nhà nước: Chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước, đề tài và dự án khoa học thuộc chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước, đề tài và dự án khoa học xã hội độc lập cấp nhà nước;

2. Cấp bộ: Chương trình, đề tài, dự án khoa học xã hội của các bộ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Cấp cơ sở: Đề tài, dự án khoa học xã hội của các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học.

Điều 6. Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học xã hội

1. Định kỳ 5 năm, Bộ Khoa học và Công nghệ cụ thể hoá các định hướng của Đảng và Nhà nước trong

hoạt động khoa học xã hội thành kế hoạch hoạt động khoa học xã hội nằm trong "Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu và danh mục các chương trình trọng điểm cấp nhà nước" trình Chính phủ phê duyệt.

2. Các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học xã hội của Chính phủ, nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học xã hội định kỳ 5 năm và hàng năm của mình.

3. Kế hoạch hoạt động khoa học xã hội phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phục vụ trực tiếp, kịp thời yêu cầu lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước; góp phần giải quyết các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, địa phương.

b) Coi trọng nghiên cứu cơ bản, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng. Kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng; giữa nghiên cứu lý luận và nghiên cứu tổng kết thực tiễn; giữa nghiên cứu và đào tạo.

c) Cân đối các nhiệm vụ khoa học xã hội và điều kiện để thực hiện các nhiệm vụ đó nhằm phát triển

hợp lý các lĩnh vực của khoa học xã hội.

Điều 7. Đề xuất nhiệm vụ khoa học xã hội

1. Mọi tổ chức và cá nhân đều có quyền đề xuất các nhiệm vụ khoa học xã hội với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp, với các tổ chức khoa học và công nghệ (tổ chức nghiên cứu và phát triển, trường đại học, tổ chức dịch vụ khoa học xã hội) và các Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ.

2. Nhiệm vụ khoa học xã hội do tổ chức, cá nhân đề xuất phải phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển khoa học xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển lý luận khoa học xã hội và phát triển tiềm lực khoa học của các ngành khoa học xã hội; phục vụ yêu cầu lãnh đạo, quản lý và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức việc đề xuất nhiệm vụ khoa học xã hội để lựa chọn đưa vào kế hoạch 5 năm, hàng năm trong phạm vi quản lý.

Điều 8. Xác định và phê duyệt nhiệm vụ khoa học xã hội

1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp tổng hợp các nhiệm vụ khoa học xã hội

do các tổ chức, cá nhân đề xuất để xác định nhiệm vụ khoa học xã hội, định kỳ 5 năm và hàng năm, theo các quy định tại Điều 15 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 81/2002/NĐ-CP).

2. Việc phê duyệt nhiệm vụ khoa học xã hội được phân cấp như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước do Bộ Khoa học và Công nghệ trình, bao gồm cả các nhiệm vụ khoa học về lý luận chính trị do Hội đồng Lý luận Trung ương đề xuất.

b) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt các đề tài và dự án thuộc chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước, đề tài và dự án khoa học xã hội độc lập cấp nhà nước.

c) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt các chương trình, đề tài và dự án khoa học xã hội cấp bộ.

d) Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị cơ sở phê duyệt các đề tài, dự án khoa học xã hội cấp cơ

sở theo thẩm quyền được giao.

đ) Tổ chức, cá nhân tự xác định các nhiệm vụ khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý.

Chương III

QUẢN LÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC XÃ HỘI SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 9. Phương thức giao nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

Việc giao tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước theo phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định tại các Điều 16 và Điều 17 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP do cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp quyết định:

1. Ngoài các loại nhiệm vụ quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Điều này, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội đều phải thông qua phương thức tuyển chọn.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học xã hội thuộc bí mật quốc gia, đặc thù của an ninh, quốc phòng và một số nhiệm vụ đặc biệt cấp bách, có nội dung phức

tập, nhạy cảm thì cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có thể lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Nghị định số 81/2002/NĐ-CP để giao trực tiếp việc chủ trì thực hiện.

3. Việc giao nhiệm vụ khoa học xã hội thông qua Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia được thực hiện theo quy định của Quỹ.

Điều 10. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

1. Các nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước được tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Nghị định số 81/2002/NĐ-CP, Quy chế này và các quy định pháp luật có liên quan khác.

2. Các nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện thông qua hợp đồng nghiên cứu khoa học giữa cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện, trên cơ sở đề cương đã được tuyển chọn, xét duyệt, trong đó một cá nhân không đồng thời chủ trì quá 01 đề tài hoặc dự án khoa học xã hội cấp nhà nước.

3. Quy trình quản lý thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thành lập hội đồng tuyển chọn để đánh giá đề cương của tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội; thành lập hội đồng xét duyệt đề cương để đánh giá đề cương của tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội.

b) Trên cơ sở ý kiến đánh giá của hội đồng tuyển chọn hoặc hội đồng xét duyệt đề cương, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ra quyết định giao tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội.

c) Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ký hợp đồng khoa học với tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội.

d. Tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội.

đ. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ khoa học theo hợp đồng đã ký kết.

e. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

Căn cứ kết quả đánh giá của hội đồng tuyển chọn hoặc hội đồng xét duyệt đề cương, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp ra quyết định giao tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội theo thẩm quyền được phân cấp như sau:

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định:

a) Thành lập Ban Chủ nhiệm, Văn phòng và cử Chánh Văn phòng của Chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước;

b) Cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm của đề tài, dự án thuộc Chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước, của đề tài và dự án khoa học xã hội độc lập cấp nhà nước.

2. Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định giao tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội cấp bộ .

3. Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị cơ sở quyết định giao tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội cấp cơ sở.

Điều 12. Quyết định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học xã hội và quyết định giao tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội được quy định tại các Điều 8 và Điều 11 của Quy chế này, căn cứ mục đích, yêu cầu, nội dung chi tiết, khối lượng công việc cụ thể của nhiệm vụ khoa học và ý kiến tư vấn của hội đồng tuyển chọn, hội đồng xét duyệt đề cương để quyết định số lượng và nguồn kinh phí hợp lý theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước cho việc thực hiện từng nhiệm vụ khoa học.

Điều 13. Hợp đồng khoa học thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nội dung và hình thức hợp đồng khoa học giữa cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ với tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội phải tuân theo các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, các quy định tại các Điều 26, 27, 28, 29 và 30 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 của Điều này, hợp đồng nghiên cứu khoa học thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội còn phải có các nội dung sau:

a) Quy định các nội dung cơ bản cần đạt được, phù hợp với đề cương đã được phê duyệt.

b) Quy định các sản phẩm khoa học cần phải có trong quá trình thực hiện và khi kết thúc nhiệm vụ khoa học. Các sản phẩm khoa học bao gồm: báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ khoa học, báo cáo tóm tắt, bản kiến nghị và các sản phẩm khoa học trung gian (tổng hợp số liệu thống kê, điều tra, khảo sát, kỹ yếu hội thảo khoa học, báo cáo nhánh và chuyên đề).

c) Quy định về tiến độ thực hiện để có thể nghiệm thu từng phần, công bố và đề xuất những kiến nghị ngay trong quá trình thực hiện nhằm kịp thời phục vụ yêu cầu lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước, nhu cầu phát triển của ngành, địa phương.

d) Quy định trách nhiệm của mỗi bên trong việc công bố, cung cấp thông tin trong và sau quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội.

Điều 14. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

1. Ngoài các quyền được quy định tại các Điều 15 và Điều 17 của Luật Khoa học và Công nghệ, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội còn có các quyền sau:

a) Tham gia hoạt động hợp tác, trao đổi khoa học, các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và ngoài nước, các hoạt động đào tạo, ứng dụng khoa học về những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu.

b) Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, nơi ký kết hợp đồng khoa học, cung cấp các thông tin cần thiết để phục vụ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học được giao.

c) Tổ chức, cá nhân có đóng góp lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội sẽ được Nhà nước khen thưởng theo quy định của pháp luật hiện hành; được đề xuất bổ sung kinh phí để tiếp tục triển khai thực hiện ở mức độ cao hơn, trong phạm vi rộng hơn.

d) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền để công bố, xuất bản kết quả nghiên cứu; cung cấp, chuyển giao ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học.

đ) Được hưởng quyền tác giả đối với sản phẩm thực hiện nhiệm vụ khoa học và dịch vụ chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật.

e) Được quyền khiếu nại lên cơ quan quản lý nhà nước các cấp có thẩm quyền về các vấn đề liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội được giao theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài các quy định tại các Điều 16 và Điều 18 của Luật Khoa học và Công nghệ, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội cấp nhà nước còn có các trách nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện và việc khai thác, sử dụng các nguồn thông tin, tư liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học.

b) Cung cấp luận cứ khoa học, phát hiện và kiến nghị những vấn đề cần thiết trong phạm vi liên quan đến nhiệm vụ khoa học được giao một cách khách quan, trung thực, nhằm kịp thời phục vụ cho việc xây dựng chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

c) Báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền về tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học theo quy định hiện hành.

d) Thu hút, tập hợp các nhà khoa học tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học; tạo điều kiện, tôn trọng và bảo đảm quyền lợi của những người tham gia nhằm huy động sự đóng góp, phát huy năng lực sáng tạo, đồng thời góp phần đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ các nhà khoa học.

đ) Thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học, góp phần xây dựng và phát triển tri thức khoa học

chuyên ngành, liên ngành và thúc đẩy việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

e) Phối hợp nghiên cứu, cung cấp, trao đổi thông tin với tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội khác có liên quan nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh và hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động khoa học, tránh chồng chéo, lãng phí.

g) Chịu trách nhiệm lưu giữ, công bố, giao nộp và bảo mật các tin, tài liệu, sản phẩm nghiên cứu có liên quan tới bí mật quốc gia theo quy định hiện hành.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội cấp bộ và cấp cơ sở có trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 2 của Điều này ở các mức độ phù hợp với tính chất, quy mô và phạm vi nhiệm vụ khoa học được giao.

Điều 15. Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước

1. Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Luật Khoa học và Công nghệ; các Điều 21, 24 và 25 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP và quy định đánh

giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã hội của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trên cơ sở kết luận của hội đồng nghiệm thu, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội như sau:

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận kết quả thực hiện chương trình, đề tài, dự án khoa học xã hội cấp nhà nước.

b) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công nhận kết quả thực hiện chương trình, đề tài, dự án khoa học xã hội cấp bộ.

c) Thủ trưởng các tổ chức, cơ quan, đơn vị cơ sở công nhận kết quả thực hiện các đề tài, dự án khoa học xã hội cấp cơ sở, theo thẩm quyền được giao.

3. Trong trường hợp cần thiết, ngoài ý kiến tư vấn của hội đồng nghiệm thu, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội có thể tham khảo ý kiến của các chuyên gia để có thêm căn cứ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, bảo đảm khách quan, chính xác, theo quy định của pháp luật.

Chương IV

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC XÃ HỘI KHÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 16. Hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước

Hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm:

1. Hoạt động khoa học xã hội trong khuôn khổ các dự án kinh tế - xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước;
2. Hoạt động khoa học xã hội do tổ chức khoa học, cá nhân thuộc tổ chức khoa học thực hiện bằng nguồn kinh phí tự có hoặc bằng tiền tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
3. Hoạt động khoa học xã hội độc lập của cá nhân nhà khoa học.

Điều 17. Tổ chức hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nhà nước khuyến khích việc huy động, sử dụng các nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để tiến hành các hoạt động khoa học xã hội phục vụ các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ngành, địa phương và của các tổ chức.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện đúng các yêu cầu của quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, quy định của pháp luật về hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức, nơi có tập thể, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước của tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền.

4. Tổ chức, cá nhân đầu tư và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội bằng nguồn kinh phí tự có cùng cơ quan trực tiếp thụ hưởng kết quả hoạt động khoa học xã hội có trách nhiệm quản lý việc thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội trong phạm vi thẩm quyền của mình, bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phạm vi, đối tượng đã đăng ký và tuân theo các quy định của pháp luật.

Điều 18. Đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đăng

ký các nhiệm vụ khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước do mình thực hiện với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam thực hiện nhiệm vụ và dịch vụ khoa học xã hội theo yêu cầu và bằng nguồn kinh phí của tổ chức, cá nhân nước ngoài có trách nhiệm đăng ký việc nhận tài trợ theo quy định tại Điều 10 và Điều 12 của Nghị định số 81/2002/NĐ-CP và với cơ quan quản lý trực tiếp.

Điều 19. Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư và tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội phối hợp với cơ quan thụ hưởng kết quả hoạt động khoa học xã hội để tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp tổ chức đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học xã hội do mình thực hiện và phải chịu mọi chi phí cho việc tổ chức đánh giá kết quả đó.

Kết quả nghiên cứu khoa học xã hội không sử

dụng ngân sách nhà nước có ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường và sức khỏe nhân dân phải được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền tổ chức đánh giá trước khi công bố.

Thủ tục đánh giá các nhiệm vụ khoa học xã hội không có dấu hiệu vi phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

3. Việc công nhận kết quả hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước do cơ quan thụ hưởng, tổ chức, cá nhân đầu tư và thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội quyết định.

4. Kết quả hoạt động khoa học xã hội có giá trị do cá nhân nhà khoa học tự thực hiện đã đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền được xem xét để hỗ trợ việc tổ chức đánh giá và công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước

Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước có quyền hạn như tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước, được quy định tại khoản 1, Điều 14 của Quy chế

này và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ trong hoạt động khoa học theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Hợp đồng nghiên cứu, cung cấp dịch vụ khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học có quyền ký hợp đồng thực hiện các chương trình, đề tài, dự án, dịch vụ khoa học xã hội theo đơn đặt hàng của tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm hướng dẫn, tư vấn việc tìm nguồn cung cấp dịch vụ khoa học theo đề nghị của tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

3. Hợp đồng giữa tổ chức, cá nhân có nhu cầu và tổ chức, cá nhân chủ trì chương trình, đề tài, dự án, cung cấp dịch vụ khoa học xã hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương V

SỬ DỤNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC XÃ HỘI

Điều 22. Thông tin về kết quả hoạt động khoa học xã hội

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội có quyền đề xuất các kiến nghị rút

ra từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội với cơ quan lãnh đạo, quản lý có thẩm quyền để cung cấp thông tin và góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm báo cáo cơ quan lãnh đạo, quản lý có thẩm quyền về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội thuộc phạm vi quản lý, những phát hiện khoa học mới do các tổ chức, cá nhân kiến nghị.

3. Cơ quan lãnh đạo, quản lý có thẩm quyền các cấp có trách nhiệm xem xét giá trị, tác dụng, hiệu quả của các kiến nghị và thông báo lại cho tổ chức, cá nhân nhà khoa học đề xuất.

Điều 23. Lưu trữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội

Các kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội được lưu giữ và bảo mật theo quy định của pháp luật tại cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp và cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học.

Điều 24. Công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội

1. Việc công bố kết quả thực hiện các nhiệm vụ

khoa học xã hội sau khi được nghiệm thu và công nhận phải tuân theo Luật Xuất bản, Luật Báo chí và các quy định của pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ.

2. Cấp có thẩm quyền công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học quyết định nội dung, phạm vi và hình thức công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội.

3. Kinh phí xuất bản không nằm trong kinh phí thực hiện chương trình, đề tài, dự án khoa học.

4. Hàng năm, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan công bố kết quả hoạt động khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý.

Điều 25. Chuyển giao, ứng dụng kết quả hoạt động khoa học xã hội

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học xã hội đã được nghiệm thu và công nhận, có khả năng ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế- xã hội, không thuộc lĩnh vực bí mật quốc gia, không vi phạm các điều cấm trong Luật Khoa học và Công nghệ đều có thể được ứng dụng, chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp trên cơ sở tham khảo ý kiến của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, theo thẩm quyền, quyết định phạm vi, đối tượng và yêu cầu của việc ứng dụng, chuyển giao, sử dụng có trả tiền hoặc không trả tiền đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Việc trao đổi các sản phẩm khoa học từ kết quả hoạt động khoa học xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước do nhà đầu tư và tổ chức, cá nhân chủ trì quyết định và thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Việc chuyển giao, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội tại khoản 2 của Điều này phải được thực hiện thông qua hợp đồng theo các quy định của pháp luật.

5. Phí chuyển giao, ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội do bên cung cấp và bên tiếp nhận dịch vụ thoả thuận trong hợp đồng và được sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Nghiêm cấm việc tự ý cung cấp và cung cấp không đúng thẩm quyền các sản phẩm và thông tin về kết quả hoạt động khoa học xã hội có nội dung thuộc bí mật quốc gia.

Điều 26. Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học xã hội

1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân khoa học trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học để công bố, trao đổi thông tin các kết quả hoạt động khoa học xã hội.

2. Tổ chức khoa học có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp trong việc tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học để trao đổi, thảo luận về những vấn đề lý luận và thực tiễn đặt ra từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội, theo các quy định của pháp luật hiện hành về tổ chức hội nghị, hội thảo.

Điều 27. Khen thưởng và xử lý vi phạm trong hoạt động khoa học xã hội

1. Nhà nước khen thưởng theo định kỳ hàng năm và 5 năm đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học xã hội.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp có trách nhiệm tổ chức việc xét thưởng, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, trao giải thưởng khoa học, tặng danh hiệu khoa học cho tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học xã hội.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội có kết quả xuất sắc, có đóng góp tốt cho sự phát triển kinh tế - xã hội, được Nhà nước ưu tiên hỗ trợ kinh phí thực hiện, tạo điều kiện ứng dụng vào thực tiễn hoặc triển khai ở mức độ cao hơn, trong phạm vi rộng hơn.

4. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội vi phạm hợp đồng khoa học thì bị xử lý theo quy định của hợp đồng và của pháp luật về hợp đồng. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học xã hội sử dụng ngân sách nhà nước vi phạm nghiêm trọng hợp đồng khoa học hoặc không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có thẩm quyền có quyền chấm dứt hợp đồng, tiến hành thanh, quyết toán và thu hồi kinh phí.

5. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động khoa học thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

1. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ

trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan, hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội trong việc thực hiện Quy chế này.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp của các bộ, ngành, và địa phương có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội thuộc phạm vi quản lý thực hiện Quy chế này.

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội

Mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học xã hội có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 30. Bổ sung, hoàn thiện Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

TM. CHÍNH PHỦ

Thủ tướng

Phan Văn Khải

(đã ký)

QUYẾT ĐỊNH

của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

**Về việc ban hành Quy định đánh giá, nghiệm thu
đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước**

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16/01/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 201/2004/NĐ-CP ngày 10/12/2004 của Chính phủ về ban hành Quy chế Quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn;

Xét đề nghị của các ông vụ trưởng Vụ Khoa học xã

hội và Tự nhiên, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các ông vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Chánh Văn phòng Bộ, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Thủ trưởng

Lê Đình Tiến
(đã ký)

QUY ĐỊNH

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 01/2005/QĐ-BKHCN
ngày 28/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

1. Quy định này áp dụng cho việc đánh giá, nghiệm thu các đề tài, dự án thuộc chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước và các đề tài, dự án khoa học xã hội và nhân văn độc lập cấp nhà nước.

2. Các đề tài, dự án khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước (sau đây gọi là đề tài) sử dụng ngân sách nhà nước, đã được phê duyệt, đến thời hạn kết thúc theo hợp đồng khoa học đã ký kết, phải được tiến hành đánh giá, nghiệm thu theo Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu đề tài

1. Việc đánh giá, nghiệm thu đề tài phải được tiến hành dân chủ, bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài và cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

2. Việc đánh giá, nghiệm thu đề tài phải căn cứ vào hợp đồng khoa học đã ký kết, tiến hành đúng quy trình, bảo đảm nghiêm túc, trung thực, khách quan, chính xác và công bằng.

3. Việc xếp loại kết quả của đề tài phải dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện, có căn cứ xác thực với những tiêu chuẩn cụ thể, trong đó chú trọng về chất lượng khoa học và hiệu quả của đề tài đối với thực tiễn.

Điều 3. Phương thức đánh giá, nghiệm thu đề tài

1. Việc đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả của đề tài phải được thực hiện trên cơ sở đánh giá của một hội đồng khoa học (gọi là hội đồng đánh giá nghiệm thu) do Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập để đánh giá, nghiệm thu đề tài.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ căn cứ vào ý kiến đánh giá, xếp loại và kiến nghị của hội đồng đánh giá nghiệm thu để xem xét, quyết định công nhận kết quả của đề tài.

Trường hợp cần thiết, ngoài ý kiến đánh giá, xếp loại của hội đồng đánh giá nghiệm thu, Bộ Khoa học và Công nghệ có thể lấy ý kiến chuyên gia ngoài hội đồng để có thêm căn cứ, bảo đảm việc đánh giá chính xác, khách quan.

3. Hội đồng đánh giá nghiệm thu thực hiện việc đánh giá, nghiệm thu đề tài thông qua phiên họp của hội đồng được tổ chức công khai, trong đó có ý kiến nhận xét bằng văn bản của các thành viên hội đồng và bỏ phiếu đánh giá, xếp loại đề tài.

4. Việc đánh giá, nghiệm thu đề tài được tiến hành theo hai bước:

Bước 1: Đánh giá cấp cơ sở là bước chuẩn bị để đánh giá, nghiệm thu chính thức, được tiến hành trước thời hạn kết thúc hợp đồng khoa học, chậm nhất là vào thời điểm kết thúc hợp đồng khoa học, nhằm xem xét các điều kiện để đưa vào đánh giá, nghiệm thu chính thức;

Bước 2: Đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước là bước đánh giá, nghiệm thu chính thức, được tiến hành chậm nhất 90 ngày sau thời hạn kết thúc hợp

đồng, nhằm đánh giá toàn diện kết quả của đề tài so với hợp đồng khoa học đã ký kết.

Điều 4. Kinh phí đánh giá, nghiệm thu đề tài

Kinh phí tổ chức đánh giá, nghiệm thu đề tài được lấy từ kinh phí của đề tài, do tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài chi theo quy định hiện hành.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ

Điều 5. Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở

1. Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở bao gồm:

a) Hợp đồng khoa học;

b) Báo cáo hành chính theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 6 kèm theo Quy định này, gồm các nội dung: việc tổ chức triển khai và huy động lực lượng tham gia thực hiện đề tài (kèm theo danh sách các tổ chức, cá nhân tham gia chính); việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp và báo cáo đề nghị quyết toán tài chính của đề tài; việc thực hiện các quy định của Nhà nước trong quá trình thực hiện đề tài; bảng thống kê các tài liệu, số liệu, sản phẩm của đề tài để minh chứng cho quá trình thực hiện đề tài;

c) Các sản phẩm khoa học trung gian của đề tài bao gồm: kỷ yếu hội thảo khoa học, báo cáo nhánh và chuyên đề, báo cáo xử lý kết quả điều tra, khảo sát thực tiễn, ấn phẩm đã công bố, xuất bản trong quá trình thực hiện đề tài;

d) Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài, báo cáo tóm tắt, bản kiến nghị của đề tài với cơ quan sử dụng kết quả nghiên cứu và cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ;

đ) Các báo cáo, biên bản kiểm tra định kỳ;

e) Văn bản đề nghị đánh giá cấp cơ sở của chủ nhiệm đề tài.

2. Chậm nhất 30 ngày trước ngày kết thúc thời hạn ghi trong hợp đồng khoa học, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá cấp cơ sở và nộp hồ sơ đó theo yêu cầu, số lượng ghi trong hợp đồng khoa học, đồng thời có văn bản đề nghị cơ quan đánh giá cấp cơ sở được quy định tại Điều 6 của Quy định này để kiểm tra và tổ chức đánh giá cấp cơ sở.

Trường hợp không bảo đảm thời hạn nêu trên, trước khi kết thúc hợp đồng, chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì thực hiện đề tài phải có văn bản đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc gia hạn thời gian đánh giá cấp cơ sở.

Trường hợp được gia hạn, thời gian gia hạn không quá 90 ngày tính từ thời điểm kết thúc hợp đồng.

Điều 6. Cơ quan đánh giá cấp cơ sở

1. Cơ quan đánh giá cấp cơ sở được quy định như sau:

a) Đối với đề tài không thuộc chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước, cơ quan đánh giá cấp cơ sở là cơ quan chủ trì thực hiện đề tài;

b) Đối với đề tài thuộc chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước, cơ quan đánh giá cấp cơ sở là ban chủ nhiệm chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước;

c) Đối với đề tài độc lập do Bộ Khoa học và Công nghệ giao trực tiếp cho cá nhân, không có cơ quan chủ trì, cơ quan đánh giá cấp cơ sở do Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

2. Cơ quan đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm:

a) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá cấp cơ sở, cơ quan đánh giá cấp cơ sở tiến hành: kiểm tra, bảo đảm đề tài có đủ điều kiện, hồ sơ để đưa vào đánh giá cấp cơ sở như quy định tại Điều 5 của Quy định này; ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá cấp cơ sở; cung cấp các tài liệu đánh giá cấp cơ sở, bao gồm hợp đồng khoa học

(trong đó có bản thuyết minh của đề tài), báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt, bản kiến nghị, báo cáo hành chính, đến các thành viên của hội đồng;

Trường hợp đề tài chưa bảo đảm điều kiện nghiệm thu, cơ quan đánh giá cấp cơ sở ấn định thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đánh giá cấp cơ sở, và yêu cầu chủ nhiệm đề tài sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, điều kiện để đưa vào đánh giá cấp cơ sở.

b) Tổ chức phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở theo Điều 8 của Quy định này; bảo đảm thời gian tổ chức phiên họp không quá 15 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập hội đồng và ít nhất 7 ngày sau khi các thành viên hội đồng nhận được tài liệu đánh giá;

c) Xử lý kết quả đánh giá cấp cơ sở, theo Điều 10 của Quy định này.

Điều 7. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở có từ 7 đến 9 thành viên, là các nhà khoa học, nhà quản lý có năng lực, uy tín, am hiểu lĩnh vực chuyên môn của đề tài và không có tên trong danh sách những người tham gia thực hiện đề tài, trong đó có ít nhất 1/3 số

thành viên hội đồng là người ngoài cơ quan đánh giá cấp cơ sở.

2. Cơ cấu hội đồng đánh giá cấp cơ sở gồm: Chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 ủy viên thư ký và các ủy viên.

3. Các thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu hồ sơ, xem xét, đánh giá kết quả của đề tài bằng văn bản theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 4 kèm theo Quy định này;

b) Đề xuất các vấn đề cần bổ sung, sửa đổi nhằm hoàn thiện sản phẩm của đề tài;

c) Không được công bố, cung cấp thông tin và sử dụng kết quả của đề tài khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài;

d) Chịu trách nhiệm về việc đánh giá, xếp loại của mình đối với đề tài.

4. Ngoài trách nhiệm của thành viên hội đồng quy định tại khoản 3 của Điều này, chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện và ủy viên thư ký còn có trách nhiệm sau:

a) Chủ tịch hội đồng có trách nhiệm kiểm tra các điều kiện để tiến hành phiên họp của hội đồng như quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy định này và

chủ trì, điều khiển chương trình phiên họp của hội đồng theo hướng dẫn tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

b) Phó chủ tịch hội đồng có trách nhiệm thay chủ tịch hội đồng trong trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt.

c) Ủy viên phản biện có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định toàn bộ hồ sơ của đề tài so với hợp đồng khoa học; có ý kiến phản biện, đánh giá toàn diện về kết quả của đề tài và có kiến nghị đề tài đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện đưa vào đánh giá, nghiệm thu chính thức.

d) Ủy viên thư ký có trách nhiệm giúp chủ tịch hội đồng kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ theo quy định tại khoản 1, Điều 5 của Quy định này, hoàn thiện biên bản và các tài liệu của phiên họp hội đồng.

5. Thành viên hội đồng vi phạm quy định tại điểm c, khoản 3 của Điều này sẽ không được tham gia hội đồng đánh giá cấp cơ sở và cấp nhà nước trong thời hạn từ 01 đến 03 năm và bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 127/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/5/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 8. Phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Các thành phần chính tham dự phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở gồm: Các thành viên hội đồng; đại diện cơ quan đánh giá cấp cơ sở; đại diện tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài và đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Phiên họp của hội đồng được tiến hành khi có đủ các điều kiện:

a) Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở đủ và hợp lệ;

b) Có ý kiến nhận xét bằng văn bản của 02 ủy viên phản biện và các thành viên khác của hội đồng;

c) Có ít nhất $\frac{2}{3}$ số thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp, trong đó có chủ tịch hội đồng (hoặc phó chủ tịch hội đồng trong trường hợp chủ tịch vắng mặt) và 02 ủy viên phản biện.

3. Phiên họp của hội đồng tiến hành theo chương trình được hướng dẫn tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

Điều 9. Đánh giá, xếp loại đề tài trong phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở căn cứ hợp đồng khoa học và kết quả của đề tài được thể hiện qua báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu và nội dung

trình bày của chủ nhiệm đề tài trước hội đồng để tiến hành đánh giá, xếp loại đề tài theo hai mức: đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện để đưa vào đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

Trong trường hợp đề tài xếp loại không đủ điều kiện, hội đồng nêu rõ lý do và đề nghị đề tài được tiếp tục hoàn thiện hay phải đình chỉ thực hiện.

2. Đề tài được xếp loại đủ điều kiện để đưa vào đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước, nếu có đủ các tiêu chuẩn:

a) Bảo đảm khối lượng, chất lượng nghiên cứu, bao gồm: Hoàn thành khối lượng công việc và các mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu ghi trong hợp đồng khoa học; hệ thống tài liệu, số liệu có độ tin cậy và giá trị khoa học; bảo đảm số lượng, chất lượng các sản phẩm khoa học trung gian có trong hợp đồng; báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu có kết cấu hợp lý, được trình bày rõ ràng, có giá trị khoa học và giá trị sử dụng, phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu.

b) Bảo đảm nộp hồ sơ đánh giá cấp cơ sở đúng thời hạn theo hợp đồng khoa học đã ký kết hoặc theo quyết định gia hạn của Bộ Khoa học và Công nghệ trong trường hợp đề tài được gia hạn thời gian đánh giá cơ sở.

c) Không vi phạm một trong các điều sau:

- Hồ sơ, tài liệu không trung thực;
- Sao chép kết quả nghiên cứu của người khác;
- Làm trái các quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện đề tài.

d) Có ít nhất $\frac{3}{4}$ số thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp bỏ phiếu, xếp loại đủ điều kiện.

3. Đề tài xếp loại không đủ điều kiện trong các trường hợp không đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 của Điều này.

Điều 10. Xử lý kết quả đánh giá cấp cơ sở

1. Đối với đề tài xếp loại đủ điều kiện, sau khi hồ sơ, sản phẩm của đề tài được chủ nhiệm đề tài bổ sung, sửa chữa và hoàn thiện theo yêu cầu của hội đồng đánh giá cấp cơ sở, cơ quan đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm kiểm tra lại và có văn bản gửi Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị cho đánh giá, nghiệm thu chính thức.

2. Đối với đề tài xếp loại không đủ điều kiện do không đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 9 của Quy định này, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở, chủ nhiệm đề tài phải bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện hồ sơ của đề tài theo ý kiến góp ý của hội đồng và làm lại thủ tục như lần đầu để đánh giá cấp cơ sở.

Trường hợp không bảo đảm thời hạn trên, cơ quan đánh giá cấp cơ sở phải có văn bản đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc gia hạn thời gian để hoàn thiện sản phẩm của đề tài. Trường hợp được gia hạn, thời gian gia hạn để hoàn thiện sản phẩm của đề tài tối đa là 90 ngày kể từ ngày có kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

3. Đối với đề tài xếp loại không đủ điều kiện do vi phạm các quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 9 của Quy định này, cơ quan đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm xem xét và có văn bản đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ đình chỉ đề tài.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan đánh giá cấp cơ sở, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét, quyết định gia hạn thời gian thực hiện đề tài hoặc đình chỉ đề tài nếu xét thấy tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện không có khả năng hoàn thành đề tài.

5. Trường hợp đề tài bị đình chỉ do vi phạm các quy định tại điểm b và điểm c, khoản 2, Điều 9 của Quy định này:

a) Chủ nhiệm đề tài sẽ không được tham gia làm chủ nhiệm đề tài cấp nhà nước trong thời hạn 03 năm tiếp theo và bị xử phạt theo quy định tại Nghị

định 127/2004/ND-CP của Chính phủ ngày 31/5/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ, trên cơ sở ý kiến đánh giá, kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở, có trách nhiệm xem xét, quyết định việc quyết toán một phần kinh phí của đề tài.

Chương III

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CẤP NHÀ NƯỚC

Điều 11. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước

1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước bao gồm:

a) Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở đã được bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện theo yêu cầu của hội đồng đánh giá cấp cơ sở;

b) Quyết định thành lập hội đồng đánh giá cấp cơ sở; biên bản phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở và văn bản nhận xét, đánh giá đề tài của các thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở;

c) Văn bản đề nghị đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước của cơ quan đánh giá cấp cơ sở theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 12 kèm theo Quy định này.

2. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở, chủ nhiệm đề tài và cơ quan đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước và nộp hồ sơ đó theo yêu cầu, số lượng ghi trong hợp đồng khoa học cho Bộ Khoa học và Công nghệ để kiểm tra và tổ chức việc đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước.

Trường hợp không bảo đảm thời hạn trên, cơ quan đánh giá cấp cơ sở phải có văn bản đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc gia hạn thời gian hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp được gia hạn, thời gian gia hạn để hoàn thiện hồ sơ tối đa là 90 ngày kể từ ngày có kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

Điều 12. Cơ quan đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước

Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước, có trách nhiệm:

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành: kiểm tra hồ sơ và điều kiện để đưa vào nghiệm thu cấp nhà nước như quy định tại Điều 11 của Quy định này; ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà

nước và cử chuyên viên làm thư ký giúp việc cho hội đồng; cung cấp các tài liệu đánh giá, nghiệm thu, bao gồm hợp đồng khoa học (trong đó có bản thuyết minh của đề tài), báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt, bản kiến nghị, báo cáo hành chính, đến các thành viên của hội đồng;

Trường hợp xét thấy đề tài chưa đủ các điều kiện nghiệm thu cấp nhà nước, Bộ Khoa học và Công nghệ ấn định thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước, và yêu cầu chủ nhiệm đề tài và cơ quan đánh giá cấp cơ sở sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, điều kiện để đưa vào nghiệm thu.

2. Tổ chức phiên họp của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước theo quy định tại Điều 14 của Quy định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập hội đồng và ít nhất 7 ngày sau khi các thành viên hội đồng nhận được tài liệu đánh giá, nghiệm thu.

Trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ có thể mời một số cơ quan, tổ chức có liên quan đến đề tài cho ý kiến đánh giá, nhận xét đối với kết quả của đề tài để cung cấp cho hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước tham khảo.

3. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước theo quy định tại Điều 16 của Quy định này.

Điều 13. Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước

1. Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước có từ 9 đến 11 thành viên, là các nhà khoa học, nhà quản lý có năng lực, uy tín, am hiểu lĩnh vực chuyên môn của đề tài, đồng thời không có tên trong danh sách những người tham gia thực hiện đề tài.

2. Cơ cấu của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước gồm: Chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng và các thành viên khác, trong đó có 01 đại diện của ban chủ nhiệm chương trình (đối với các đề tài thuộc chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước), 01 ủy viên thư ký và ít nhất 02 ủy viên phản biện (tùy theo nội dung và lĩnh vực nghiên cứu của đề tài).

3. Các thành viên hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước có trách nhiệm:

a) Nghiên cứu hồ sơ, xem xét, đánh giá kết quả của đề tài bằng văn bản theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 10 kèm theo Quy định này;

b) Đề xuất các vấn đề cần bổ sung, sửa đổi nhằm hoàn thiện các sản phẩm của đề tài;

c) Kiến nghị về việc công bố, sử dụng, ứng dụng kết quả của đề tài;

d) Không được công bố, cung cấp thông tin và sử dụng kết quả của đề tài khi chưa được sự đồng ý của Bộ Khoa học và Công nghệ và của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài;

đ) Chịu trách nhiệm về việc đánh giá, xếp loại của mình đối với đề tài.

4. Ngoài trách nhiệm của thành viên hội đồng quy định tại khoản 3 của Điều này, chủ tịch hội đồng, phó chủ tịch hội đồng, ủy viên phản biện và ủy viên thư ký còn có trách nhiệm sau:

a) Chủ tịch hội đồng có trách nhiệm kiểm tra các điều kiện để tiến hành phiên họp của hội đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 14 của Quy định này; chủ trì, điều khiển chương trình phiên họp của hội đồng theo hướng dẫn tại Phụ lục 7 kèm theo Quy định này; xác nhận việc chủ nhiệm đề tài đã bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước như kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu, theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 13 kèm theo Quy định này.

b) Phó chủ tịch hội đồng có trách nhiệm thay chủ tịch hội đồng trong trường hợp chủ tịch vắng mặt.

c) Ủy viên phản biện có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định toàn bộ hồ sơ của đề tài, có ý kiến phản biện, đánh giá toàn diện về kết quả của đề tài và có kiến nghị về việc đánh giá, xếp loại đề tài.

d) Ủy viên thư ký có trách nhiệm giúp chủ tịch hội đồng: kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ theo quy định tại khoản 1, Điều 11 của Quy định này; hoàn thiện biên bản và các tài liệu của phiên họp hội đồng; kiểm tra nội dung bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước của chủ nhiệm đề tài theo kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu.

5. Thành viên hội đồng vi phạm các quy định tại điểm d, khoản 3 của Điều này sẽ không được tham gia hội đồng đánh giá cấp cơ sở và cấp nhà nước trong thời hạn từ 01 đến 03 năm và bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định số 127/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/5/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 14. Phiên họp của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước

1. Các thành phần chính tham dự phiên họp của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước gồm: Các thành viên hội đồng; đại diện tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài; đại diện cơ quan đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước; đại diện cơ quan chủ quản của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài.

2. Phiên họp của hội đồng được tiến hành khi có đủ các điều kiện sau:

a) Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước đủ và hợp lệ;

b) Có ý kiến nhận xét bằng văn bản của các ủy viên phản biện và các thành viên khác của hội đồng;

c) Có ít nhất $\frac{2}{3}$ số thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp, trong đó, có chủ tịch hội đồng (hoặc phó chủ tịch hội đồng trong trường hợp chủ tịch vắng mặt) và 02 ủy viên phản biện.

3. Phiên họp của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước tiến hành theo chương trình được hướng dẫn tại Phụ lục 7 kèm theo Quy định này.

Điều 15. Đánh giá, xếp loại đề tài trong phiên họp của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước

1. Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước căn cứ vào hợp đồng khoa học, kết quả nghiên cứu của đề tài được thể hiện qua các báo cáo khoa học và nội dung trình bày của chủ nhiệm đề tài trước hội đồng để đánh giá, bỏ phiếu xếp loại đề tài.

2. Trên cơ sở ý kiến của các thành viên, hội đồng tiến hành thảo luận và bỏ phiếu đánh giá, cho điểm theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 8 kèm theo Quy định này, dựa trên các tiêu chuẩn và thang điểm 100 như sau:

a) Về phương pháp nghiên cứu của đề tài, tối đa 10 điểm, cho các nội dung:

- Đánh giá cách tiếp cận của đề tài, mức độ phù hợp của cách tiếp cận đối với các mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu;

- Đánh giá mức độ phù hợp và hiệu quả của việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai các nội dung của đề tài;

b) Về giá trị khoa học của kết quả nghiên cứu, tối đa 60 điểm, cho các nội dung:

- Mức độ đạt mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu và các yêu cầu về sản phẩm của đề tài đã cam kết trong hợp đồng khoa học, được thể hiện qua báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt và bản kiến nghị của đề tài;

- Tính xác thực, cập nhật, phong phú và độ tin cậy của hệ thống thông tin, tư liệu, tài liệu đã thu thập, điều tra được sử dụng trong đề tài;

- Cái mới của kết quả nghiên cứu; tính sáng tạo, độc đáo của đề tài.

c) Về giá trị thực tiễn của kết quả nghiên cứu, tối đa 25 điểm, cho các nội dung:

- Cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách;

- Góp phần giải quyết những vấn đề của thực tiễn, đóng góp vào việc phát triển khoa học, phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu;

- Đưa ra các giải pháp khuyến nghị có khả năng ứng dụng thực tiễn.

d) Về tổ chức thực hiện đề tài tối đa 5 điểm, cho các nội dung:

- Thực hiện tiến độ nghiên cứu;

- Huy động, sử dụng lực lượng nghiên cứu.

3. Việc xác định phiếu hợp lệ và cách tính điểm của đề tài được quy định như sau:

a) Phiếu hợp lệ là phiếu của thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp của hội đồng, có cho điểm với số điểm ít hơn hoặc bằng số điểm tối đa ghi trong phiếu ứng với từng chỉ tiêu đánh giá;

b) Điểm ghi trong các phiếu hợp lệ được tổng hợp theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 9 kèm theo Quy định này;

c) Điểm của đề tài là điểm trung bình, tính trong tổng số các phiếu hợp lệ.

4. Căn cứ vào điểm của đề tài, hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước tiến hành việc xếp loại đề tài như sau:

a) Đề tài xếp loại xuất sắc nếu đạt điểm trung bình từ 85 điểm trở lên, trong đó, phần giá trị khoa học đạt từ 55 điểm trở lên và phần giá trị ứng dụng, giá trị thực tiễn kết quả của đề tài đạt từ 20 điểm trở lên;

Trường hợp đề tài đạt đủ các tiêu chuẩn trên, nhưng nộp hồ sơ nghiệm thu chậm so với hợp đồng khoa học được quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 11 của Quy định này thì chỉ được xếp ở mức cao nhất là loại khá.

b) Đề tài xếp loại khá trong 2 trường hợp:

- Đạt điểm trung bình từ 65 đến dưới 85 điểm;

- Đạt điểm trung bình từ 85 điểm trở lên, nhưng điểm cho phần giá trị khoa học dưới 55 hoặc điểm cho phần giá trị ứng dụng, sử dụng kết quả của đề tài dưới 20.

c) Đề tài xếp loại trung bình nếu có điểm trung bình từ 50 đến dưới 65 điểm.

d) Đề tài xếp loại không đạt nếu điểm trung bình dưới 50.

5. Kết quả bỏ phiếu đánh giá, xếp loại đề tài của hội đồng được ghi thành biên bản theo mẫu hướng dẫn tại Phụ lục 11, kèm theo Quy định này.

Điều 16. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có kết quả đánh giá, xếp loại của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước, chủ nhiệm đề tài, cơ quan đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm:

a) Đối với đề tài được xếp loại xuất sắc, khá hoặc trung bình:

- Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước theo ý kiến của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước;

- Tiến hành việc kiểm kê, bàn giao tài sản, thực hiện việc thanh, quyết toán đề tài theo quy định hiện hành sau khi có xác nhận của chủ tịch hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước;

- Gửi hồ sơ đánh giá, nghiệm thu đã được hoàn thiện và các giấy xác nhận việc kiểm kê, bàn giao tài sản, thanh quyết toán tới Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét công nhận kết quả thực hiện đề tài;

b) Đối với đề tài xếp loại không đạt, được hội đồng nghiệm thu cấp nhà nước kiến nghị cho nghiệm thu lại, chủ nhiệm đề tài, cơ quan đánh giá cấp cơ sở có công văn gửi đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ gia hạn thời gian để sửa chữa, hoàn thiện và làm lại thủ tục đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ và các giấy xác nhận việc bàn giao, thanh quyết toán đề tài của Chủ nhiệm đề tài:

a) Đối với đề tài được xếp loại xuất sắc, khá hoặc trung bình, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, ra quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài, trên cơ sở ý kiến đánh giá, kết luận, xếp loại của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước và ý kiến chuyên gia (nếu có);

b) Trường hợp đề tài xếp loại không đạt và được hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước kiến nghị cho nghiệm thu lại, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc gia hạn để sửa chữa, hoàn thiện đề tài trong thời gian tối đa 90 ngày kể từ ngày có kết luận của hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước.

3. Trường hợp đề tài xếp loại không đạt và hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước không kiến nghị cho gia hạn thời gian thực hiện hoặc đề tài đưa vào đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước lần thứ hai mà vẫn không đạt:

a) Chủ nhiệm đề tài sẽ không được tham gia làm chủ nhiệm đề tài cấp nhà nước trong thời hạn 03 năm tiếp theo;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc quyết toán một phần kinh phí của đề tài.

4. Trường hợp phát hiện hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước vi phạm các quy định trong quá trình đánh giá, nghiệm thu đề tài, Bộ Khoa học và Công nghệ yêu cầu hội đồng sửa đổi, bổ sung, đánh giá lại; trường hợp cần thiết có thể thành lập lại hội đồng để bảo đảm việc đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước được thực hiện khách quan, chính xác, đúng quy định.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ phân loại, lưu giữ, bảo quản các văn bản, tài liệu, hồ sơ đánh giá, nghiệm thu của đề tài theo quy định hiện hành.

6. Sau khi đề tài đã được Bộ Khoa học và Công nghệ công nhận kết quả thực hiện, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài có trách nhiệm nộp báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài cho Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định hiện hành.

Trường hợp không đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học thì sẽ bị xử phạt theo quy định tại Nghị định 127/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/5/2004 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ.

7. Các bên tham gia ký kết hợp đồng tiến hành việc thanh lý hợp đồng sau khi tổ chức, cá nhân chủ

trì đề tài thực hiện xong các quy định tại khoản 6 của Điều này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy định

Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện đề tài, dự án khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước thực hiện Quy định này.

Điều 18. Vận dụng Quy định

1. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vận dụng Quy định này để xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành "Quy định về đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp bộ, cấp cơ sở" và hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cá nhân, tổ chức khoa học và công nghệ trong phạm vi quản lý thực hiện Quy định đó.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ các cấp vận dụng Quy định này để tổ chức

đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án khoa học xã hội và nhân văn không sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi quản lý.

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Thứ trưởng

Lê Đình Tiến
(đã ký)

PHẦN PHỤ LỤC

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

(Dùng cho phiên họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở)

CHƯƠNG TRÌNH PHIÊN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
CẤP NHÀ NƯỚC

*(Kèm theo Quy định đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã
hội và nhân văn cấp nhà nước)*

Sau khi đại diện cơ quan đánh giá cấp cơ sở đọc quyết định thành lập hội đồng đánh giá cấp cơ sở, danh sách thành viên hội đồng và giới thiệu các thành phần đại biểu tham dự phiên họp, chủ tịch hội đồng (chủ tịch) có trách nhiệm thông qua chương trình và điều khiển chương trình phiên họp, bao gồm các nội dung sau:

1. Chủ nhiệm đề tài trình bày tóm tắt về tổ chức triển khai và kết quả nghiên cứu *(nêu rõ kết quả nghiên cứu mới và cơ sở khoa học để đưa ra các kiến nghị)* của đề tài.

2. Các ủy viên phản biện trình bày bản nhận xét đã chuẩn bị trước; Ủy viên thư ký đọc bản nhận xét của các thành viên hội đồng vắng mặt (nếu có).

3. Các thành viên hội đồng phát biểu ý kiến nhận xét, đánh giá kết quả nghiên cứu của đề tài và nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài.

4. Các đại biểu tham dự phát biểu ý kiến và nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài.

5. Chủ nhiệm đề tài và những người tham gia thực hiện đề tài trả lời câu hỏi của các thành viên hội đồng.

6. Hội đồng biểu quyết bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban và tiến hành việc bỏ phiếu xếp loại đề tài, theo mẫu phiếu được quy định tại Phụ lục 2, kèm theo Quy định đánh giá, nghiệm thu đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước (sau đây gọi là Quy định).

7. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả bỏ phiếu.

8. Chủ nhiệm đề tài phát biểu tiếp thu ý kiến của hội đồng và đại biểu.

9. Chủ tịch hội đồng tóm tắt ý kiến của hội đồng, xin ý kiến hội đồng về các nội dung cần bổ sung, sửa đổi để hoàn thiện đề tài và kết luận phiên họp.

10. Thông qua biên bản và kết thúc phiên họp.

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU

ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

(Dùng trong phiên họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở)

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI KẾT QUẢ ĐỀ TÀI
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC**

*(Kèm theo Quy định đánh giá, nghiệm thu đề tài
khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước)*

1. Tên đề tài/dự án:
2. Tên tổ chức chủ trì thực hiện đề tài/dự án:
3. Tên chủ nhiệm đề tài/dự án:
4. Họ và tên người đánh giá:
Học vị: Chức danh khoa học:
Ngành chuyên môn: Chức danh trong hội đồng:
5. Nội dung đánh giá: *(đủ điều kiện hay không đủ điều kiện để đưa vào nghiệm thu cấp nhà nước).*

STT	Nội dung đánh giá
1	Về phương pháp nghiên cứu của đề tài: (cách tiếp cận đề tài và việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu, điều tra, khảo sát)
2	Về giá trị khoa học của kết quả nghiên cứu:
2.1	Mức độ đạt mục tiêu và các nhiệm vụ nghiên cứu đã cam kết trong hợp đồng được thể hiện qua báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt và bản kiến nghị của đề tài.
2.2	Độ tin cậy, tính cập nhật, phong phú của hệ thống tài liệu đã sử dụng và các số liệu đã điều tra, thu thập.
2.3	Cái mới của kết quả nghiên cứu; tính sáng tạo, độc đáo của đề tài.
3	Về giá trị thực tiễn của kết quả nghiên cứu:
3.1	Cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách; giải quyết những vấn đề của thực tiễn và đóng góp vào việc phát triển khoa học.
3.2	Phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu.
3.3	Khả năng ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài vào thực tiễn.
4	Về tổ chức thực hiện đề tài (thực hiện tiến độ và huy động, sử dụng lực lượng nghiên cứu)

Kết luận:

Đủ điều kiện đưa vào nghiệm thu cấp nhà nước..... ☐

Chưa đủ điều kiện đưa vào nghiệm thu cấp nhà nước..... ☐

....., ngày.....tháng.....năm

Người đánh giá

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

(Dùng trong phiên họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ
CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

STT	Họ và tên thành viên hội đồng	Đủ điều kiện	Chưa đủ điều kiện
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
...			
	Cộng		

Kết luận:

Đủ điều kiện đưa vào nghiệm thu cấp nhà nước ☐

Chưa đủ điều kiện đưa vào nghiệm thu cấp nhà nước ☐

Các ủy viên Ban kiểm phiếu Trưởng Ban kiểm phiếu

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU

ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

(Dùng cho thành viên hội đồng đánh giá cấp cơ sở)

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. Tên đề tài/ dự án:

2. Tên tổ chức chủ trì thực hiện đề tài/ dự án:

3. Tên chủ nhiệm đề tài/ dự án:

4. Họ và tên người đánh giá:

Học vị:

Chức danh khoa học:

Ngành chuyên môn:

Chức danh trong hội đồng:

PHẦN Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về tính cấp thiết, ý nghĩa của đề tài:

2. Về phương pháp nghiên cứu: *(cách tiếp cận và hệ phương pháp được sử dụng)*

3. Về giá trị khoa học của đề tài: *(nhận xét về khối lượng, nội dung các vấn đề được đề cập; mức độ thành công trong việc giải quyết các vấn đề đặt ra; cấu trúc và cách trình bày của các báo cáo khoa học; khối lượng tài liệu tham khảo và việc sử dụng, trích dẫn tài liệu; các nhận xét, kết luận rút ra trong báo cáo tổng hợp)*

4. Về giá trị sử dụng, ứng dụng của đề tài: *(nhận xét về ý nghĩa, tác động của đề tài trong thực tiễn; khả năng, triển vọng của việc ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu)*

5. Về tổ chức thực hiện đề tài: *(thực hiện tiến độ và huy động, sử dụng lực lượng nghiên cứu)*

6. Dành riêng cho ủy viên phản biện: kiểm tra, thẩm định hồ sơ, việc thực hiện các cam kết ghi trong hợp đồng, đánh giá toàn diện về kết quả đề tài có kiến nghị đánh giá đề tài đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện đưa vào nghiệm thu chính thức.

....., ngày tháng năm

Người nhận xét

(Ký tên và lấy dấu xác nhận chữ ký)

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

(Dùng trong phiên họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở)

**BIÊN BẢN PHIÊN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ**

1. Tên đề tài, mã số:

2. Thời gian nghiệm thu:

3. Địa điểm nghiệm thu:

4. Các thành phần tham dự:

4.1. Các thành viên hội đồng đánh giá nghiệm thu vắng mặt và lý do:

4.2. Đại biểu tham dự: *(đại diện cơ quan nghiệm thu; đại diện tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài; đại diện cơ quan quản lý nhà nước về KHCN)*

5. Nội dung phát biểu tại phiên họp:

Sau khi Ông/Bà đại diện cơ quan nghiệm thu công bố quyết định thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu, danh sách các thành viên hội đồng (có văn bản kèm theo) và giới thiệu các đại biểu tham dự phiên họp, Chủ tịch hội đồng đã thông qua chương trình làm việc (có văn bản kèm theo) và điều khiển phiên họp thực hiện các nội dung sau:

5.1. Phần trình bày của Chủ nhiệm đề tài:

Ông (bà)..... Chủ nhiệm (*thay mặt Chủ nhiệm*) đề tài báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài (*có văn bản kèm theo*)

5.2. Phần nhận xét của các ủy viên phản biện: (*có văn bản kèm theo*)

5.3. Phần phát biểu, đặt câu hỏi của các thành viên hội đồng và đại biểu tham dự:

5.4. Phần trả lời của chủ nhiệm đề tài và các thành viên tham gia thực hiện đề tài:

5.5. Tóm tắt ý kiến kết luận của chủ tịch hội đồng: (*về tổ chức thực hiện, phương pháp nghiên cứu, giá trị khoa học, giá trị sử dụng, ứng dụng kết quả nghiên cứu*)

6. Phần bỏ phiếu xếp loại đề tài:

6.1. Danh sách ban kiểm phiếu (*03 người, trong đó có 01 trưởng ban*):

6.2. Số phiếu phát ra:

6.3. Số phiếu thu về:

6.4. Số phiếu hợp lệ:

6.5. Kết quả đánh giá, xếp loại:

- Số phiếu xếp loại đủ điều kiện:

- Số phiếu xếp loại không đủ điều kiện:

6.6. Đề tài được xếp loại: *(đủ điều kiện / không đủ điều kiện)*

7. Phần kiến nghị của hội đồng *(về những điểm cần sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện trong báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt, kiến nghị và về thủ tục, hồ sơ):*

Phiên họp kết thúc vào.....giờ, ngày.....thángnăm.....

Thư ký hội đồng

(Ký và viết rõ

họ tên, học hàm, học vị)

Chủ tịch hội đồng

(Ký và viết rõ

họ tên, học hàm, học vị)

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU
 ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

Mẫu báo cáo hành chính

(Dùng cho chủ nhiệm đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH
 TỔ CHỨC, THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1. Tên đề tài, mã số:
2. Cơ quan chủ trì:
3. Chủ nhiệm đề tài:
4. Thời gian thực hiện đề tài:
5. Kinh phí được duyệt:

II. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA THỰC HIỆN

1. Danh sách các tổ chức phối hợp:

STT	Các tổ chức đăng ký phối hợp	Các tổ chức đã tham gia thực hiện	Ghi chú
1			
...			

2. Danh sách những người tham gia thực hiện chính:

STT	Những người đăng ký tham gia	Những người đã tham gia thực hiện	Ghi chú
1			
...			

III. TIẾN ĐỘ VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thực hiện tiến độ của đề tài so với hợp đồng:

2. Thực hiện các nội dung, công việc so với hợp đồng:

2.1. Hội thảo khoa học:

STT	Tên hội thảo	Địa điểm	Thời gian	Số lượng đại biểu	Số lượng báo cáo	Kỷ yếu	Ghi chú

2.2. Khảo sát nước ngoài: *(tên nước khảo sát; số lượng, thành phần đoàn khảo sát; địa điểm, thời gian khảo sát; nhận xét chung về kết quả khảo sát)*

2.3. Điều tra, khảo sát trong nước: *(số lượng các cuộc điều tra, khảo sát; địa điểm, thời gian điều tra, khảo sát; phạm vi đối tượng điều tra, khảo sát; nhận xét chung về kết quả điều tra, khảo sát)*

2.4. Thuê khoán chuyên môn: *(thống kê các đề tài nhánh, chuyên đề thành bảng riêng, kèm theo)*

- Các đề tài nhánh, chuyên đề đã thực hiện

STT	Tên đề tài nhánh, chuyên đề dự kiến thực hiện	Đã thực hiện	Tên tổ chức, cá nhân thực hiện	Ghi chú
1				
...				

- Nhận xét chung về kết quả thuê khoán chuyên môn

2.5. Sơ tư tài liệu, dịch tài liệu: *(thống kê thành bảng riêng, kèm theo)*

- Các tài liệu sơ tư

STT	Tên tài liệu	Số lượng (trang)
1		
.....		

- Các tài liệu dịch của đề tài

STT	Tên tài liệu dịch	Ngôn ngữ	Số lượng (trang)
1			
.....			

3. Các điều chỉnh về nội dung, hoạt động trong quá trình

thực hiện đề tài đã báo cáo và được cơ quan quản lý đồng ý cho điều chỉnh:

4. Thống kê các sản phẩm đã đăng báo, tạp chí, sách xuất bản, các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng:

5. Nhận xét, đánh giá chung về kết quả thực hiện đề tài:

IV. THỰC HIỆN KINH PHÍ (có báo cáo đề nghị quyết toán kèm theo)

1. Kinh phí của đề tài được duyệt:

2. Tình hình sử dụng kinh phí theo các nội dung công việc chính đã được duyệt theo hợp đồng khoa học:

STT	Nội dung công việc	Kinh phí được duyệt	Kinh phí đã sử dụng	Kinh phí đã quyết toán	Kinh phí chưa quyết toán	Ghi chú
1	Thuê khoán chuyên môn					
2	Máy móc, thiết bị ...					

STT	Nội dung công việc	Kinh phí được duyệt	Kinh phí đã sử dụng	Kinh phí đã quyết toán	Kinh phí chưa quyết toán	Ghi chú
3	Tư liệu - dịch thuật					
4	Hội thảo - Hội nghị					
5	Điều tra, khảo sát trong nước					
6	Khảo sát nước ngoài					
7	Chi khác					
.....						
	Tổng cộng					

V. THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Chủ nhiệm đề tài
(Họ tên, chữ ký)

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU

ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

(Dùng cho phiên họp hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước)

**CHƯƠNG TRÌNH PHIÊN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ
NGHIỆM THU ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI
VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC**

*(Kèm theo Quy định về đánh giá, nghiệm thu đề tài
khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước)*

Sau khi đại diện cơ quan nghiệm thu cấp nhà nước đọc quyết định thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước, danh sách thành viên hội đồng và giới thiệu các thành phần đại biểu tham dự phiên họp, chủ tịch hội đồng (chủ tịch) có trách nhiệm thông qua chương trình và điều khiển chương trình phiên họp, bao gồm các nội dung sau:

1. Chủ nhiệm đề tài trình bày tóm tắt việc tổ chức triển khai thực hiện và kết quả nghiên cứu của đề tài.

2. Các ủy viên phản biện trình bày bản nhận xét đã chuẩn bị trước; Ủy viên thư ký đọc bản nhận xét của các thành viên hội đồng vắng mặt (nếu có).

3. Các thành viên hội đồng phát biểu ý kiến nhận xét, đánh giá kết quả nghiên cứu của đề tài và nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài.

4. Các đại biểu tham dự phát biểu ý kiến và nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài.

5. Chủ nhiệm đề tài trả lời câu hỏi của hội đồng và đại biểu.

6. Chủ nhiệm đề tài phát biểu tiếp thu ý kiến của hội đồng và đại biểu tham dự phiên họp.

7. Hội đồng biểu quyết bầu Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban và tiến hành bỏ phiếu xếp loại đề tài theo mẫu phiếu quy định tại Phụ lục 8, kèm theo Quy định.

8. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả bỏ phiếu.

9. Chủ tịch hội đồng tóm tắt ý kiến của hội đồng, xin ý kiến hội đồng về các nội dung cần bổ sung, sửa đổi để hoàn thiện đề tài và kết luận phiên họp.

10. Thông qua biên bản và kết thúc phiên họp.

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU

ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

(Dùng trong phiên họp hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước)

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI KẾT QUẢ ĐỀ TÀI
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC**

*(Kèm theo Quy định về đánh giá, nghiệm thu
đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước)*

1. Tên đề tài/ dự án:
2. Tên tổ chức chủ trì thực hiện đề tài/ dự án:
3. Tên chủ nhiệm đề tài/ dự án:
4. Họ và tên người đánh giá:

Học vị:

Chức danh khoa học:

Ngành chuyên môn:

Chức trách trong hội đồng:

5. Nội dung đánh giá

STT	Nội dung đánh giá	Thang điểm	Điểm của thành viên
1	Về phương pháp nghiên cứu của đề tài: (cách tiếp cận đề tài và việc sử dụng các phương pháp khoa học trong nghiên cứu, điều tra, khảo sát)	<u>10</u>	
2	Về giá trị khoa học của kết quả nghiên cứu:	<u>60</u>	
2.1	Mức độ đạt mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu và các yêu cầu về sản phẩm của đề tài đã cam kết trong hợp đồng, được thể hiện qua báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt và bản kiến nghị của đề tài	25	
2.2	Độ tin cậy, tính cập nhật, phong phú của hệ thống tài liệu đã sử dụng và các số liệu đã điều tra, thu thập	25	
2.3	Cái mới của kết quả nghiên cứu; tính sáng tạo, độc đáo của đề tài	10	
3	Về giá trị thực tiễn của kết quả nghiên cứu:	<u>25</u>	

3.1	Cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách; giải quyết những vấn đề của thực tiễn và đóng góp vào việc phát triển khoa học .	10	
3.2	Phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu	5	
3.3	Khả năng ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài vào thực tiễn	10	
4	Về tổ chức thực hiện đề tài: (thực hiện tiến độ và huy động, sử dụng lực lượng nghiên cứu)	<u>5</u>	
	Tổng cộng	100	

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ, tên)

PHỤ LỤC 9

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

(Dùng trong phiên họp hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHO ĐIỂM CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

STT	Họ và tên thành viên hội đồng	Điểm tổng số	Điểm cho phần giá trị khoa học	Điểm cho phần giá trị thực tiễn
	Điểm bình quân			

Xếp loại đề tài

Các ủy viên Ban kiểm phiếu

Trưởng Ban kiểm phiếu

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU

ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

(Dùng cho thành viên hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước)

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. Tên đề tài/ dự án:
2. Tên tổ chức chủ trì thực hiện đề tài/ dự án:
3. Tên chủ nhiệm đề tài/ dự án:
4. Họ và tên người đánh giá:

Học vị:

Chức danh khoa học:

Ngành chuyên môn:

Chức danh trong hội đồng:

NỘI DUNG NHẬN XÉT

1. Về tính cấp thiết, ý nghĩa của đề tài:

2. Về phương pháp nghiên cứu: (cách tiếp cận và hệ phương pháp được sử dụng)

3. Về giá trị khoa học của đề tài: (nhận xét về khối lượng, nội dung các vấn đề được đề cập; mức độ thành công trong việc giải quyết các vấn đề đặt ra; cấu trúc và cách trình bày của các báo cáo khoa học; khối lượng tài liệu tham khảo và việc sử dụng, trích dẫn tài liệu; các nhận xét, kết luận rút ra trong báo cáo tổng hợp)

4. Về giá trị sử dụng, ứng dụng của đề tài: (nhận xét về ý nghĩa, tác động của đề tài trong thực tiễn; khả năng, triển vọng của việc ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu)

5. Về tổ chức thực hiện đề tài: (thực hiện tiến độ và huy động, sử dụng lực lượng nghiên cứu)

6. Dành riêng cho ủy viên phản biện: (kiểm tra, thẩm định hồ sơ, việc thực hiện các cam kết ghi trong hợp đồng, đánh giá toàn diện về kết quả đề tài, kiến nghị đánh giá xếp loại đề tài)

....., ngày tháng năm

Người nhận xét

(Ký tên và lấy dấu xác nhận chữ ký)

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU

ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

(Dùng trong phiên họp hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước)

**BIÊN BẢN PHIÊN HỌP HỘI ĐỒNG
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CẤP NHÀ NƯỚC**

1. Tên đề tài, mã số:

2. Thời gian nghiệm thu:

3. Địa điểm nghiệm thu:

4. Các thành phần tham dự:

4.1. Các thành viên hội đồng đánh giá nghiệm thu vắng mặt và lý do:

4.2. Đại biểu tham dự: *(đại diện cơ quan nghiệm thu; đại diện tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài; đại diện cơ quan quản lý nhà nước về KH-CN)*

5. Nội dung phát biểu tại phiên họp:

Sau khi Ông/Bà đại diện cơ quan nghiệm thu công bố quyết định thành lập hội đồng đánh giá

nghiệm thu, danh sách các thành viên hội đồng (có văn bản kèm theo) và giới thiệu các đại biểu tham dự phiên họp, Chủ tịch hội đồng đã thông qua chương trình làm việc (có văn bản kèm theo) và điều khiển phiên họp thực hiện các nội dung sau:

5.1. Phần trình bày của Chủ nhiệm đề tài:

..... Chủ nhiệm (thay mặt Chủ nhiệm) đề tài báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài (có văn bản kèm theo)

5.2. Phần nhận xét của các ủy viên phản biện: (có văn bản kèm theo)

5.3. Phần phát biểu, đặt câu hỏi của các thành viên hội đồng và đại biểu tham dự

5.4. Phần trả lời của chủ nhiệm đề tài và các thành viên tham gia thực hiện đề tài

5.5. Tóm tắt ý kiến kết luận của chủ tịch hội đồng: (về tổ chức thực hiện; phương pháp nghiên cứu; giá trị khoa học, giá trị sử dụng, ứng dụng kết quả nghiên cứu)

6. Phần bỏ phiếu xếp loại đề tài:

6.1. Danh sách ban kiểm phiếu: (03 người, trong đó có 01 trưởng ban)

6.2. Số phiếu phát ra:

6.3. Số phiếu thu về:

6.4. Số phiếu hợp lệ:

6.5. Kết quả đánh giá, xếp loại:

- Điểm trung bình của đề tài:.....điểm
- Điểm trung bình của phần giá trị khoa học điểm
- Điểm trung bình của phần giá trị thực tiễn: điểm

6.6. Đề tài được xếp loại: (xuất sắc, khá, trung bình, không đạt)

7. Phần kiến nghị của hội đồng: (về những điểm cần sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện trong báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt, kiến nghị; về công bố, xuất bản; về việc sử dụng, ứng dụng kết quả nghiên cứu và về thủ tục, hồ sơ)

Phiên họp kết thúc vào.....giờ, ngày.....thángnăm.....

Thư ký Hội đồng

(Ký và viết rõ

họ tên, học hàm, học vị)

Chủ tịch Hội đồng

(Ký và viết rõ

họ tên, học hàm, học vị)

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU

ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

Mẫu công văn đề nghị cho đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước
(Dùng cho cơ quan đánh giá cấp cơ sở và chủ nhiệm đề tài)

(CƠ QUAN
ĐÁNH GIÁ
CẤP CƠ SỞ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

Kính gửi: **Bộ Khoa học và Công nghệ**

- Thực hiện Quyết định số....., ngày.....tháng.....năm.....
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt,
giao nhiệm vụ thực hiện đề tài KH &CN năm.....và Hợp
đồng khoa học số....., ngày.....tháng.....năm, đề tài
.....
.....
mã số....., đã được triển khai thực hiện.

- Ngàytháng.....năm....., (cơ quan đánh giá cấp cơ
sở) đã tổ chức việc đánh giá cấp cơ sở đối với đề tài.

- Kết quả: đề tài được xếp loại đủ điều kiện để đưa vào
nghiệm thu cấp nhà nước.

- Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu đã được bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện theo đúng ý kiến của hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

Trân trọng đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, cho nghiệm thu cấp nhà nước.

Chủ nhiệm đề tài

(Họ tên, chữ ký)

Cơ quan đánh giá cấp cơ sở

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU
ĐỀ TÀI KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP NHÀ NƯỚC

Mẫu giấy xác nhận việc bổ sung, sửa đổi hoàn thiện hồ sơ
(Dùng cho Chủ tịch hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... thángnăm

GIẤY XÁC NHẬN

(V/v bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu
đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước)

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Họ và tên:

Chức danh khoa học, học vị:

Chức vụ, cơ quan công tác:

Là Chủ tịch hội đồng hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp
nhà nước, theo Quyết định số....., ngày..... tháng
.....năm.....của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về

việc thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp nhà nước đối
với đề tài

.....
mã số,

Sau khi xem xét hồ sơ đánh giá, nghiệm thu của đề tài,
gồm:

1. Hợp đồng khoa học số....., ngày.....thángnăm.....;
2. Báo cáo hành chính của đề tài;
3. Các sản phẩm khoa học trung gian của đề tài;
4. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt và
bản kiến nghị của đề tài;

Tôi xác nhận: Hồ sơ nói trên đã được bổ sung, sửa đổi và
hoàn thiện theo đúng ý kiến kết luận của hội đồng đánh giá
nghiệm thu cấp nhà nước tại phiên họp của hội đồng ngày
.....thángnăm.....

Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định
công nhận kết quả thực hiện đề tài.

Người xác nhận
(Họ tên và chữ ký)

VĂN BẢN PHÁP QUY

về

QUẢN LÝ KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Chịu trách nhiệm xuất bản

PGS, TS KIM VĂN CHÍNH

Biên tập nội dung: **PHÒNG BIÊN TẬP**

Biên tập kỹ - mỹ thuật: **ÚNG LIÊN - LƯU ĐÀ**

Đọc soát bản in: **PHÒNG BIÊN TẬP**

Trình bày bìa: **ÚNG LIÊN**

In 1.500 cuốn, khổ 13 x 19 cm tại Công ty in Tạp chí Cộng sản.
Giấy phép xuất bản số: 21-1885/XB-QLXB, cấp ngày 28 tháng 12 năm 2004.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 2005.